TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2017
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Văn Thạnh.
2. Bà Cao Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước - Cán bộ Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm H, sinh năm: 1977 (có mặt).
Địa chỉ: thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1981 (có mặt).
Địa chỉ: Xóm Đ, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ NLQ1 - sinh năm: 1959 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

+ NLQ2 - sinh năm: 1979 (có mặt).
Địa chỉ: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

+ NLQ3 - sinh năm: 1983 (có mặt).
Địa chỉ: thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Phạm H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 26/6/2006.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên kình cãi với nhau, mẫu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2011 chị H1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã B, huyện T, tỉnh Bình Định sống cho đến nay không liên lạc, không trở về chung sống với anh, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị H1 vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thu H2 (nữ), sinh ngày 20/02/2012 con khi nay ở với chị H1, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi. Nếu chị H1 yêu cầu nuôi con anh đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

* Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản sau:

+ 01 lô đất diện tích: 7m x 22m (thôn K, xã C, huyện P, Bình Ñònh), Giấy chứng nhận sử dụng quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009, đứng tên hai vợ chồng. Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 54P4-3786, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Thanh B - xe mua chưa sang tên, anh không yêu cầu Tòa phân chia. Tài sản này hiện anh H đang quản lý.

Còn móng nhà xây dựng trên diện tích đất trên trị giá 80.000.000 đồng anh yêu cầu công nhận là tài sản riêng của anh, do được tạo lập từ khoản anh vay của chị NLQ3 năm 2015 - khi vợ chồng đã ly thân. Anh không yêu cầu phân chia đối với tài sản này.

+ 08 chỉ vàng 24K, lúc chị H1 đi khỏi nhà có mang theo 04 chỉ vàng 24K (Anh không chấp nhận việc chị H1 nại rằng đã sử dụng hết 04 chỉ vàng 24K để dưỡng thai và nuôi con, cũng không chấp nhận khoản vay 6.000.000đ của chị NLQ3 vì anh đã chu cấp đủ để nuôi con) và vợ chồng có gửi bà NLQ1 (mẹ vợ) 04 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Không có

Đối với khoản tiền 80.000.000 đồng mượn chị NLQ3 để xây móng nhà nói trên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn anh yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của anh Phạm H về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân

mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là vợ chồng tình tình không hợp, dẫn đến kình cải, mâu thuẫn thường xuyên. Năm 2011 do điều kiện phải dưỡng thai chị về bên nhà cha mẹ ruột sống, từ đó anh H không quan tâm chăm sóc bỏ mặc mẹ con chị cho đến nay nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thu H2 (nữ) sinh ngày 20/02/2012. Con khi nay ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Thống nhất như anh H trình bày, vợ chồng có 01 lô đất 7m x 22m (thôn K, xã C, huyện P, Bình Ñònh), Giấy chứng nhận sử dụng quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009, đứng tên hai vợ chồng; chị không yêu cầu phân chia đối với móng nhà và phần ngầm nhà vệ sinh xây dựng trên đất, thống nhất đó là tài sản riêng của anh H.

Chị nại ra rằng đối với 04 chỉ vàng 24K chị mang theo khi rời khỏi nhà chồng chị đã sử dụng để dưỡng thai và nuôi con hết. Đối với khoản tài sản chung 04 chỉ vàng 24K anh Hòa trình bày là gửi cho bà NLQ1 (mẹ chị) thì chị không đồng ý vì không có.

- Về nợ chung: Do khó khăn có vay của chị NLQ2 số tiền 6.000.000 đồng để nuôi con. Yêu cầu công nhận là nợ chung và buộc anh H phải có nghĩa vụ cùng trả nợ.

Chị yêu cầu phân chia tài sản và nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - bà NLQ1 trình bày: bà là mẹ ruột chị Nguyễn Thị H1. Giữa năm 2011 khi chị H1 có thai được khoảng 01 tháng thì về ở với vợ chồng bà, do tình trạng thai nghén không ổn định nên chị phải tiêm thuốc và dưỡng thai rất nhiều. Anh Phạm H nại rằng sau khi cưới vợ chồng có gửi bà giữ 04 chỉ vàng 24K là không đúng sự thật, vợ chồng chị H1 không có gửi vàng cho bà. Bà không đồng ý yêu cầu của anh H buộc bà giao vàng để phân chia.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - chị NLQ2 trình bày: Chị là chị ruột của chị Nguyễn Thị H1. Giữa năm 2011 chị H1 do vấn đề sức khỏe thai nghén đã về nhà cha mẹ đẻ ở. Chị H1 phải đi tiêm thuốc dưỡng thai suốt đến khi gần sinh con, sức khỏe không tốt nên chị H1 không thể lao động, không có thu nhập phải sống dựa vào cha mẹ. Là chị ruột nên khi chị H1 sinh con, nuôi con thiếu thốn mượn chị thì chị đã cho chị H1 mượn tiền nhiều lần để chi phí nuôi con, mượn không có viết giấy tờ gì. Tổng số tiền chị H1 mượn chị là 6.000.000đ. Xét đây là khoản tiền chị H1 mượn để nuôi con nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận đây là khoản nợ chung và buộc cả hai vợ chồng anh Phạm H, chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm hoàn trả cho chị.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - chị NLQ3 trình bày:

Chị là em ruột anh Phạm H. Năm 2015 (không nhớ cụ thể thời gian), anh H có mượn tiền chị, mượn 02 lần, mỗi lần 40.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ, anh H có thế chấp cho chị 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009, mang tên Phạm H, Nguyễn Thị H1. Anh H mượn tiền chị để xây móng, làm nhà. Sau đó anh H đã xây dựng được móng nhà, phần ngầm nhà vệ sinh. Nay chị xin được rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ 80.000.000đ này nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *** Về quan hệ hôn nhân**: Anh Phạm H và chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện tìm hiểu có tình cảm với nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 26/6/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên kình cãi với nhau, mâu thuẫn không được giải quyết mà kéo dài ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Từ giữa năm 2011 chị H1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, vợ chồng sống cắt đứt quan hệ với nhau từ đó. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị H1 vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H1 cũng đồng ý - là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2]*** Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thu H2 (nữ) sinh ngày 20/02/2012. Khi ly hôn chị H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Thu H2 đến trưởng thành. Xét thấy con chung là nữ, khi nay sống cùng mẹ, để tránh xáo trộn cho cuộc sống và việc học tập của cháu, đảm bảo điều kiện cho cháu phát triển tốt, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị Hứa, giao con chung cho chị Hứa tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và anh H cũng đồng ý là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận. Như vậy, cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 650.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2017 cho đến khi con chung (H2) đủ 18 tuổi.

[4]*** Về tài sản chung:** Hai bên thống nhất có các tài sản chung sau:

- Thửa đất số 951, tờ bản đồ số 03, diện tích 154m^2 loại đất ở, tọa lạc tại thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009); có giá trị là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

(Theo Biên bản định giá ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát).

Đối với tài sản trên đất gồm: 01 móng nhà xây dựng năm 2015 kết cấu xây dựng hoàn chỉnh có móng, giá trị: 29.624.400 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm đồng;* Hệ thống phần ngầm nhà vệ sinh giá trị: 5.837.400 đồng *(Năm triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm nghìn đồng*). Đây là tài sản phát sinh năm 2015, do anh H sử dụng nguồn vay riêng để tạo lập - Anh H và chị H1 đã thống nhất coi đây là tài sản riêng của anh H và không yêu cầu phân chia nên miễn xét.

Tại phiên tòa, chị NLQ3 rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ 80.000.000đ nữa nên miễn xét; tuy nhiên, chị NLQ3 vẫn phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009 mang tên Phạm H và Nguyễn Thị H1 cho anh H quản lý, sử dụng.

Anh H nại rằng tài sản chung còn có 08 chỉ vàng 24K. Vợ chồng gửi mẹ vợ - bà NLQ1 04 chỉ 24K, bà NLQ1 và chị H1 không thừa nhận sự việc này. Anh H cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, nên HĐXX không chấp nhận.

Chị H1 thừa nhận số vàng 04 chỉ 24K là tài sản chung vợ chồng, khi đi khỏi nhà chị có mang theo, nhưng sau đã bán chi phí dưỡng thai sinh con và nuôi con hết. Ngoài ra trong quá trình nuôi con từ năm 2012 đến nay, chị còn vay của chị NLQ2 6.000.000đ. Xét thấy chị H1 phải dưỡng thai, sinh con, nuôi con nhỏ từ khi sinh ra 2012 cho tới nay, chi phí chăm sóc sinh nở, nuôi dưỡng con là thực tế, anh H nại rằng anh có chu cấp đầy đủ để nuôi con nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, chị H1 chỉ thừa nhận anh chu cấp một phần; nên HĐXX xét chấp nhận khoản 04 chỉ vàng 24K chị H1 đã chi tiêu nuôi con hết và công nhận khoản nợ 6.000.000đ là nợ chung của vợ chồng. Chấp nhận yêu cầu của chị NLQ3, buộc anh H và chị H1 mỗi người phải trả cho chị NLQ2 ½ khoản nợ với số tiền là 3.000.000đ.

Chị H1 đã về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở thôn H, xã B, huyện T, anh H thì vẫn sinh sống ở thôn K, xã C, huyện P, Bình Định. Để thuận tiện cho việc sinh hoạt của các bên, anh H xin được nhận thửa đất và giao lại phần tài sản cho chị H1 bằng tiền, căn cứ quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên giao thửa đất trên cho anh H sử dụng, anh H có nghĩa vụ giao lại cho chị H1 số tiền 40.000.000đ về giá trị phần tài sản chung được chia.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 54P4-3786, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Thanh B (vợ chồng mua lại chưa sang tên) - xe và giấy tờ xe hiện anh H quản lý, cả hai thống nhất không yêu cầu phân chia nên miễn xét.

[5] *** Về án phí:**

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội - anh Phạm H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Án phí chia tài sản theo giá ngạch: Anh H và chị H1 mỗi người phải chịu 5% trên giá trị tài sản chung được chia.

- Án phí DSST: Anh H và chị H1 mỗi người phải chịu 300.000đ (trên giá trị 3.000.000đ phải trả nợ cho chị NLQ2).

- Chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ, trong đó có phần móng nhà, phần ngầm nhà vệ sinh là tài sản riêng của anh H, căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, anh H phải chịu 2/3 = 2.000.000đ, chị H1 chịu 1/3 = 1.000.000đ; anh H đã dự nộp trước 3.000.000đ, chị Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả lại cho anh H 1.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến việc tuân thủ pháp luật tố tụng từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 33, 56, 58, 59, 71, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm H, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm H với chị Nguyễn Thị H1; giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; tài sản chung: Công nhận tài sản chung là thửa đất số 951, tờ bản đồ số 03, diện tích 154m^2 loại đất ở, tọa lạc tại thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009), có giá trị 80.000.000đ, giao đất cho anh H, buộc thối lại cho chị H1 ½ với số tiền 40.000.000đ; nợ chung 6.000.000đ (nợ chị NLQ2), buộc anh H, chị H1 mỗi người phải trả ½; công nhận chị H1 đã chi phí hết 4 chỉ vàng 24K để dưỡng thai, sinh con; công nhận phần móng nhà và phần ngầm nhà vệ sinh xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh H; khoản nợ chị NLQ3 80.000.000đ là nợ riêng của anh H, các bên rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa giải quyết khoản nợ này nên miễn xét; án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 165, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 33, 55, 56, 58, 59, 71, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Phạm H, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm H và chị Nguyễn Thị H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thu H2 (nữ) sinh ngày 20/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Phạm H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 650.000đ, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 12/2017 cho đến khi con chung (H2) đủ 18 tuổi.

Anh H không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Công nhận việc chị Nguyễn Thị H1 đã chi phí 04 chỉ vàng 24K (tài sản chung vợ chồng) để dưỡng thai, sinh con và nuôi con nhỏ hết; công nhận khoản nợ chị NLQ2 với số tiền 6.000.000đ là nợ chung vợ chồng vì phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

+ Anh Phạm H: được sở hữu, sử dụng: Thửa đất số 951, tờ bản đồ số 03, diện tích 154m^2 loại đất ở, tọa lạc tại thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009) - là tài sản chung vợ chồng có giá trị là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) và móng nhà, phần ngầm nhà vệ sinh xây dựng trên đất (là tài sản riêng của anh H). Đồng thời có nghĩa vụ giao lại cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) về giá trị 1/2 tài sản chung được chia.

Anh Phạm H có nghĩa vụ trả cho chị NLQ2 số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) về khoản nợ chung của vợ chồng.

Bác yêu cầu của anh H về việc nại rằng tài sản chung vợ chồng có 08 chỉ vàng 24K: gửi bà NLQ1 04 chỉ, năm 2011 khi đi khỏi nhà chị Nguyễn Thị H1 mang theo 04 chỉ và yêu cầu phân chia; vì bà NLQ1, chị H1 không thừa nhận, anh H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh và thực tế chị H1 đã chi phí hết 04 chỉ vàng 24K để dưỡng thai, sinh con và nuôi con nhỏ.

+ Chị Nguyễn Thị H1 được sở hữu số tiền: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) - về khoản ½ giá trị tài sản chung được chia, tiền do anh H giao lại. Chị H1 có nghĩa vụ trả cho chị NLQ2 số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) về khoản nợ chung của vợ chồng.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 54P4-3786, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Thanh B (vợ chồng mua lại chưa sang tên) - xe và giấy tờ xe hiện anh H quản lý, cả hai thống nhất không yêu cầu phân chia nên miễn xét.

Chị NLQ3 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ 80.000.000đ nên miễn xét. Buộc chị NLQ3 phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 375938 ngày 06/11/2009 mang tên Phạm H, Nguyễn Thị H1 cho anh Hòa quản lý, sử dụng.

2. Về án phí, lệ phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003193 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Án phí chia tài sản theo giá ngạch: Anh Phạm H và chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Anh Phạm H và chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Tổng án phí chị Nguyễn Thị H1 phải nộp là: 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*); tổng án phí anh Phạm H phải nộp (trừ án phí ly hôn đã nộp xong) là: 2.600.000đ (*Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*); nhưng được trừ vào khoản tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp trước là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số 0003283 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, anh H còn phải nộp tiếp 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Chi phí định giá tài sản: chị Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả lại cho anh Phạm H số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

3. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Cát Tân, huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(*đã ký*)

Nguyễn Thị Giang Nam